

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **43/2022/KDTM-ST**

Ngày: 08/8/2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng*

Mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bà Lê Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân

Bà Nguyễn Thị Hồng

Bà Chu Thị Tuyết

Thư ký ghi biên bản phiên tòa

Bà Trần Thị Huyền Trang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
tham gia phiên tòa: Bà **Dương Văn Anh** - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân
xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số:
16/2022/TLST-KDTM ngày 29 tháng 03 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số: 227/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 và Quyết định
hoãn phiên tòa số 119/2022/QĐST ngày 22/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần K

Địa chỉ (cũ): B* - *** L, phường T, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà
Nội; Địa chỉ (mới): Tầng *, tòa nhà G, số ** L, phường L, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huy H - Chức vụ: Chủ tịch Hội
đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty CP K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung D; sinh năm 1986
CCCD số 03808600**** cấp ngày 31/8/2017 do Cục ĐKQL cư trú và DLQG về
dân cư cấp. (Theo Giấy ủy quyền số 02.20/UQ ngày 01/10/2020 do ông Nguyễn
Duy Hữu ký). (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty cổ phần S

Địa chỉ: Tầng **, tòa nhà D, số ** L, phường N, quận Thanh Xuân, thành
phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh T - Chức vụ: Tổng giám đốc.
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09 tháng 12 năm 2016, Công ty cổ phần K (Viết tắt Công ty K) có ký Hợp đồng số: 183-2016/HĐKT/SĐ207-VL về việc mua bán vật liệu xây dựng với Công ty cổ phần S (Viết tắt Công ty S); Theo hợp đồng nêu trên, Công ty K có trách nhiệm cung cấp vật liệu xây dựng cho Công trình tại địa chỉ: Tòa nhà * tại số ** H, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Ngày 28/8/2019, Công ty K đã căn cứ vào Biên bản đối chiếu khối lượng; Bảng giá trị thanh toán; Bảng đối chiếu xác nhận công nợ và các đề nghị thanh toán công nợ được hai bên ký kết xác nhận như sau:

Tổng giá trị thực hiện hợp đồng giữa hai bên, tính đến ngày 30/11/2017 là: 2.930.219.877 đồng (*Hai tỷ, chín trăm ba mươi triệu, hai trăm mười chín nghìn, tám trăm bảy bảy đồng*). Tổng giá trị Công ty S đã thanh toán cho Công ty K đến ngày 30/01/2019 là: 1.750.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng*). Tổng giá trị Công ty S còn nợ Công ty K tính đến ngày 28/8/2019 là: 1.180.219.876 đồng. Sau đó Công ty S đã tự thanh toán cho Công ty K, tính đến ngày 19/11/2019 lần thanh toán cuối cùng, thì Công ty S còn nợ Công ty K số tiền: 680.219.877 đồng (*Sáu trăm tám mươi triệu, hai trăm mười chín nghìn, tám trăm bảy bảy đồng*). Công ty K làm đơn khởi kiện Công ty S đến Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xem xét giải quyết yêu cầu Công ty cổ phần S phải thực hiện nghĩa vụ như sau:

- Buộc Công ty cổ phần S phải thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng số 183-2016/HĐKT/SĐ207-VL ngày 09/12/2016, số tiền là 680.219.877đ (*Sáu trăm tám mươi triệu, hai trăm mười chín nghìn, tám trăm bảy bảy đồng*).

- Công ty cổ phần S phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 (0.83 %/ tháng) tạm tính từ ngày nhận hồ sơ thanh toán cuối cùng là ngày 19/11/2019 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 08/8/2022 là: $680.219.877đ \times 32 \text{ tháng} \times 0,83 \% / \text{tháng} = 184.053.894 \text{ đồng}$ (*Một trăm tám mươi triệu, không trăm năm ba nghìn, tám trăm chín mươi đồng*).

Tổng số tiền Công ty cổ phần S phải thanh toán cho Công ty cổ phần K là: 864.273.771 đồng (*Tám trăm sáu mươi triệu hai trăm bảy ba nghìn bảy trăm bảy mươi đồng*).

Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt và cũng không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, không gửi văn bản ghi ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ, cụ thể như sau:

- Buộc Công ty cổ phần S phải thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng số 183-2016/HĐKTSĐ207-VL ngày 09/12/2016, số tiền là 680.219. 877đ (*Sáu trăm tám mươi triệu, hai trăm mười chín nghìn, tám trăm bảy bảy đồng*).

- Công ty cổ phần S phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 (0.83 %/ tháng) tạm tính từ ngày nhận hồ sơ thanh toán cuối cùng là ngày 19/11/2019 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 08/8/2022 là: $680.219.877đ \times 32 \text{ tháng} \times 0,83 \% / \text{tháng} = 184.053.894 \text{ đồng}$ (*Một trăm tám tư triệu, không trăm năm ba nghìn, tám trăm chín tư đồng*).

Tổng số tiền Công ty cổ phần S phải thanh toán cho Công ty cổ phần K là: 864.273.771 đồng (*Tám trăm sáu tư triệu hai trăm bảy ba nghìn bảy trăm bảy mốt đồng*).

Ngoài ra phía nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân đã tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập và văn bản tố tụng nhưng Bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa và không trình bày quan điểm, ý kiến về nội dung đơn khởi kiện của Nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa. Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy Hợp đồng mua bán hàng hoá được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Dân sự, Luật Thương mại nên có hiệu lực pháp luật. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền còn nợ theo Hợp đồng kinh tế đã ký kết và khoản tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của Luật Thương mại, Bộ luật Dân sự tính từ ngày 19/11/2019 (ngày thanh toán cuối cùng) đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí, quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty cổ phần K (Viết tắt Công ty K) và Công ty cổ phần S (Viết tắt Công ty S) đều có đăng ký kinh doanh, việc ký hợp đồng kinh tế về việc mua bán hàng hóa đều có mục đích lợi nhuận, Công ty cổ phần K khởi kiện Công ty cổ phần S về việc thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng đã ký nên xác định đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Thời điểm Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân thụ lý vụ án, bị đơn có đăng ký kinh doanh tại địa bàn quận Thanh Xuân, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Công ty cổ phần S và Công ty cổ phần K xác nhận nợ tính đến 19/11/2019, Công ty S còn nợ Công ty K số tiền: 680.219.877 đồng (*Sáu trăm tám mươi triệu, hai trăm mười chín nghìn, tám trăm bảy bảy đồng*). Ngày 06/10/2020, Công ty K nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu Công ty S thanh toán tiền nợ trên. Như vậy, đơn khởi kiện của Công ty K còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại 2005.

[1.3] Về tính hợp pháp của Hợp đồng: Công ty cổ phần K và Công ty cổ phần S là hai doanh nghiệp đều có tư cách pháp nhân và ký Hợp đồng mua bán hàng hoá giữa hai bên nằm trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh theo Bộ luật dân sự và Luật doanh nghiệp và Luật thương mại.

[1.4] Việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và được Tòa án tổng đạt quyết định xét xử nhưng Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng: Ngày 09/12/2016, Công ty cổ phần K và Công ty cổ phần S đã ký Hợp đồng kinh tế số 183-2016/HĐKT/SDD207-VL với nội dung Công ty K đồng ý bán cho S các loại gạch xây chỉ đặc; gạch lỗ và xi măng phục vụ gói thầu: Thi công hoàn thiện thô công trình Toà nhà * tại số ** H, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội với đơn giá và chủng loại được ghi cụ thể

trong hợp đồng. Việc ký kết hợp đồng là đúng thẩm quyền, hình thức và nội dung của hợp đồng không trái với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng:

Xét thấy, sau khi ký Hợp đồng, Công ty K đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định trong hợp đồng, hai bên đã xác nhận hồ sơ thanh toán cuối cùng tính đến ngày 19/11/2019, Công ty S còn nợ Công ty K số tiền: 680.219.877 đồng (*Sáu trăm tám mươi triệu, hai trăm mười chín nghìn, tám trăm bảy bảy đồng*). Tại các bản đối chiếu công nợ giữa hai bên xác nhận số nợ trên, vì vậy Công ty K buộc Công ty S phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng đã ký là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn thanh toán nợ gốc, lãi:

* Xét yêu cầu thanh toán khoản nợ gốc đối với Bị đơn:

Hai bên thực hiện Hợp đồng kinh tế số 183-2016/HĐKT/SĐ207-VL ngày 19/12/2016, phía Bị đơn đã không thực hiện trả nợ theo như đã cam kết, thỏa thuận trong hợp đồng. Tính đến ngày khởi kiện (06/10/2020), phía Bị đơn mới thanh toán cho phía Nguyên đơn tổng số tiền hàng là 2.250.000.000 đồng trên tổng số 2.930.219.877 đồng giá trị tiền hàng hóa mà phía Công ty K đã xuất hóa đơn VAT cho Công ty S. Số tiền hàng Bị đơn còn nợ Nguyên đơn là: 680.219.877 đồng. Quá trình giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của Nguyên đơn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đồng thời yêu cầu Bị đơn trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Phía Bị đơn đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, không có văn bản trình bày quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với yêu cầu đòi nợ gốc tiền hàng số tiền 680.219.877 đồng.

* Đối với yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán tiền hàng bằng 0,83%/tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tính từ ngày 19/11/2019 (ngày nhận hồ sơ thanh toán cuối cùng) đến ngày xét xử sơ thẩm).

Tại Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa các bên không có thỏa thuận yêu cầu tính lãi chậm thanh toán. Nên việc xem xét tính lãi suất nợ quá hạn sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Theo khoản 4.3 Điều 4 Hợp đồng kinh tế các bên thỏa thuận thì nghĩa vụ thanh toán của Công ty S được tính trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày Công ty K

cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ. Theo Nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai thì thời điểm Nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ ngày 19/11/2019 (là ngày Bị đơn chuyển tiền thanh toán cuối cùng theo sao kê ngân hàng phía Nguyên đơn cung cấp).

Xét thấy: Ngày xuất hóa đơn GTGT của Nguyên đơn cho Bị đơn là ngày 30/11/2017. Ngày xác nhận khối lượng cuối cùng căn cứ theo biên bản giao nhận hàng tháng 11/2017, ngày thanh toán đầu tiên của bị đơn là 25/01/2017 và ngày thanh toán cuối cùng của Bị đơn cho Nguyên đơn là ngày 19/11/2019. Do đó, có cơ sở xác định, Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ cho Bị đơn. Tuy nhiên, kể từ sau ngày 19/11/2019 là ngày Bị đơn chuyển tiền thanh toán cuối cùng thì Bị đơn đã không chuyển trả nốt số tiền hàng còn nợ là 680.219.877. Do đó, có cơ sở xác định: Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 20/11/2019. Việc Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán tiền lãi suất chậm thanh toán theo quy định của Bộ luật dân sự 2015, kể từ ngày 20/11/2019 là có cơ sở chấp nhận.

Về mức lãi suất, căn cứ theo Điều 306 Luật thương mại, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, khoản 2 Điều 357, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 có cơ sở xác định, mức lãi suất Nguyên đơn đưa ra là 0,83%/tháng tương đương 10%/năm trên cơ sở tự nguyện, không vượt quá mức lãi suất trung bình của 03 ngân hàng thương mại trên địa bàn quận Thanh Xuân tại thời điểm xét xử là có lợi cho Bị đơn nên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: - Điều 357, Điều 440; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 24, Điều 306, Điều 319 Luật thương mại 2005;
- Khoản 1 Điều 30; điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần K đối với Công ty cổ phần S.

Buộc Công ty cổ phần S phải trả cho Công ty cổ phần K số tiền là: 864.273.771 đồng (*Tám trăm sáu tư triệu hai trăm bảy ba nghìn bảy trăm bảy một đồng*), trong đó:

- Số tiền còn nợ theo Hợp đồng là: 680.219.877 đồng (*Sáu trăm tám mươi triệu, hai trăm mười chín nghìn, tám trăm bảy bảy đồng*).

- Số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 19/11/2019 (ngày thanh toán cuối cùng) đến ngày 08/8/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 184.053.894 đồng (*Một trăm tám tư triệu, không trăm năm ba nghìn, tám trăm chín tư đồng*).

[2]. Về án phí: Công ty cổ phần S phải chịu án phí với số tiền là: 37.926.000 đồng (*Ba bảy triệu chín trăm hai sáu nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 16.500.000 đồng (*Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai số thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2020/0007529 ngày 29/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

[3]. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hương

